



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
Khóa 05, ngày 18/10/2025

LỊCH THI

Phòng thi	Địa điểm	Thời gian		Ghi chú
		Thi Nghe-Viết-Đọc	Thi Nói	
01-Anh	Phòng 306C1	7h00'	Bắt đầu 13h00' Thí sinh tập trung theo giờ thi trên danh sách dự thi	
02-Anh	Phòng 307C1	7h00'		
03-Anh	Phòng 308C1	7h00'		
01-Trung	Phòng 305C1	7h00'		

Ghi chú:

- Thí sinh tập trung tại phòng thi **trước giờ thi 15 phút**, thí sinh thi bảo lưu tập trung theo thời gian môn đăng ký thi trên danh sách
- Thí sinh mang theo Thẻ Sinh viên; CMND (CCCD) để làm thủ tục dự thi
- Trang phục khi dự thi: Nam mặc áo sơ mi bỏ vào quần; Nữ trang phục gọn gàng, nghiêm túc



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

Khoá 05, ngày 18/10/2025

PHÒNG THI SỐ: 01

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG TRUNG
THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
									Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
												Giờ thi	Địa điểm
1	000001	0021411362	Bùi Tuấn	Khanh	Nam	Kinh	25/02/2003	Long An	P.305-C1		12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 305-C1	
2	000002	0021410360	Võ Lê Khánh	Lan	Nữ	Kinh	08/7/2003	Đồng Tháp	P.305-C1		12h30'		
3	000003	0022411944	Nguyễn Thị Lam	Linh	Nữ	Kinh	02/12/2004	Tiền Giang	P.305-C1		12h40'		
4	000004	0022410964	Lê Phan Huỳnh	Ngân	Nữ	Kinh	28/11/2004	Kiên Giang	P.305-C1		12h40'		
5	000005	0021411521	Trần Thị Hồng	Nghi	Nữ	Kinh	26/8/2003	Cà Mau	P.305-C1		12h50'		
6	000006	0022410402	Nguyễn Thị Kiều	Nhi	Nữ	Kinh	28/9/2001	Vĩnh Long	P.305-C1		12h50'		
7	000007	0022412575	Phạm Ngọc	Quyên	Nữ	Kinh	30/4/2004	Đồng Tháp	P.305-C1		13h00'		
8	000008	0022412260	Nguyễn Phạm Ngọc	Thảo	Nữ	Kinh	26/11/2004	Vĩnh Long	P.305-C1		13h00'		
9	000009	0022410890	Phạm Thái	Thảo	Nữ	Kinh	01/3/2004	Tiền Giang	P.305-C1		13h10'		
10	000010	0022411010	Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	Kinh	03/01/2004	Sóc Trăng	P.305-C1		13h10'		
11	000011	0022410314	Hồ Bảo	Trâm	Nữ	Kinh	15/02/2004	Đồng Tháp	P.305-C1		13h20'		
12	000012	0019410427	Trương Thị Kim	Xuân	Nữ	Kinh	21/4/2000	Đồng Tháp	P.305-C1		13h20'		
13	000013	0022410460	Lê Thị Thu	Thảo	Nữ	Kinh	06/06/2003	Đồng Tháp	P.305-C1		13h30'		
14	000014	0022410611	Lê Vĩnh	Khang	Nam	Kinh	23/10/2004	Đồng Tháp	P.305-C1		13h30'		

Tổng số thí sinh: 14



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH

THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
									Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
												Giờ thi	Địa điểm
1	000001	0021413670	Bùi Công Thiên	Bảo	Nam	Kinh	14/5/2002	Tiền Giang	P.306-C1		12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 305-C1	
2	000002	0022411049	Nguyễn Đình Linh	Chi	Nữ	Kinh	03/01/2004	Trà Vinh	P.306-C1		12h30'		
3	000003	0021410088	Nguyễn Ngọc Hải	Đăng	Nam	Kinh	31/01/2003	Đồng Tháp	P.306-C1		12h40'		
4	000004	0021412159	Cao Thị Hồng	Đào	Nữ	Kinh	08/11/2003	Đồng Tháp	P.306-C1		12h40'		
5	000005	0022410467	Lê Thị Đông	Đào	Nữ	Kinh	11/12/2002	Long An	P.306-C1		12h50'		
6	000006	0022411849	Nguyễn Thành	Đức	Nam	Kinh	28/11/2002	Đồng Tháp	P.306-C1		12h50'		
7	000007	0020410941	Nông Lê Hương	Dương	Nữ	Kinh	24/6/2001	Đồng Tháp	P.306-C1		13h00'		
8	000008	0022411293	Nguyễn Thảo	Duy	Nam	Kinh	19/4/2000	Bạc Liêu	P.306-C1		13h00'		
9	000009	0022411512	Huỳnh Thị Hồng	Gấm	Nữ	Kinh	20/6/2004	Đồng Tháp	P.306-C1		13h10'		
10	000010	0022412439	Ngô Thị Ngọc	Gân	Nữ	Kinh	05/9/2004	An Giang	P.306-C1		13h10'		
11	000011	0022410970	Nguyễn Ngọc	Hân	Nữ	Kinh	22/8/2004	Đồng Tháp	P.306-C1		13h20'		
12	000012	0022412167	Phạm Thị Ngọc	Hân	Nữ	Kinh	07/4/2004	Đồng Tháp	P.306-C1		13h20'		
13	000013	0022412386	Trần Thị Huỳnh	Hân	Nữ	Kinh	30/6/2004	Bến Tre	P.306-C1		13h30'		
14	000014	0022411468	Đặng Thị Mỹ	Hằng	Nữ	Kinh	03/3/2004	Đồng Tháp	P.306-C1		13h30'		
15	000015	0021411317	Lê Phạm Trí	Hùng	Nam	Kinh	21/8/2003	An Giang	P.306-C1		13h40'		
16	000016	0022410785	Nguyễn Võ Quốc	Huy	Nam	Kinh	24/3/2004	Đồng Tháp	P.306-C1		13h40'		
17	000017	0021411333	Trịnh Thanh	Huy	Nam	Kinh	25/8/2003	Đồng Tháp	P.306-C1		13h50'		
18	000018	0022412224	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	Nữ	Kinh	09/3/2004	Nam Định	P.306-C1		13h50'		
19	000019	0022412229	Trần Minh	Kha	Nam	Kinh	12/7/2004	Cà Mau	P.306-C1		14h00'		
20	000020	0021410310	Hồ Quang	Khải	Nam	Kinh	11/12/2003	Đồng Tháp	P.306-C1		14h00'		
21	000021	0022412165	Lê Dĩ	Khang	Nam	Kinh	12/02/2004	Đồng Tháp	P.306-C1		14h10'		
22	000022	0021411374	Nguyễn Quốc	Khánh	Nam	Kinh	02/9/2003	Bạc Liêu	P.306-C1		14h10'		
23	000023	0022411463	Hà Đăng	Khoa	Nam	Kinh	11/4/2004	Đồng Tháp	P.306-C1		14h20'		

Tổng số thí sinh: 23

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung			
								Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói
											Giờ thi
1	000024	0020411157	Uông Nguyễn Duy	Khôi	Nam	Kinh	01/10/1997	TP. Hồ Chí Minh	P.307-C1		12h30'
2	000025	0021411393	Nguyễn Lê Anh	Kiệt	Nam	Kinh	04/6/2003	Đồng Tháp	P.307-C1		12h30'
3	000026	0022412510	Nguyễn Trang Thiên	Kim	Nữ	Kinh	02/01/2004	An Giang	P.307-C1		12h40'
4	000027	0022412459	Trần Anh	Mến	Nam	Kinh	25/5/2004	Đồng Tháp	P.307-C1		12h40'
5	000028	0022412578	Võ Thị Diễm	My	Nữ	Kinh	26/7/2003	Đồng Tháp	P.307-C1		12h50'
6	000029	0022411191	Nguyễn Hoài	Nam	Nam	Kinh	03/11/2003	Bến Tre	P.307-C1		12h50'
7	000030	0022412547	Nguyễn Kim	Ngân	Nữ	Kinh	15/5/2004	Đồng Tháp	P.307-C1		13h00'
8	000031	0022412432	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	Kinh	01/01/2004	Đồng Tháp	P.307-C1		13h00'
9	000032	0022412289	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	Nữ	Kinh	27/02/2004	TP. Hồ Chí Minh	P.307-C1		13h10'
10	000033	0020410314	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	Nữ	Kinh	20/5/2002	Đồng Tháp	P.307-C1		13h10'
11	000034	0022412680	Phạm Hữu	Nghị	Nam	Kinh	08/11/2004	Cà Mau	P.307-C1		13h20'
12	000035	0022411041	Đỗ Phan Như	Ngọc	Nữ	Kinh	15/4/2004	Tiền Giang	P.307-C1		13h20'
13	000036	0022412213	Trương Thị Thảo	Nguyên	Nữ	Kinh	05/7/2003	Quảng Nam	P.307-C1		13h30'
14	000037	0022411443	Lê Nguyễn Ánh	Nguyệt	Nữ	Kinh	15/10/2004	Đồng Tháp	P.307-C1		13h30'
15	000038	0021411567	Trần Thị Thanh	Nhàn	Nữ	Kinh	27/8/2003	Đồng Tháp	P.307-C1		13h40'
16	000039	0022412753	Lý Thành	Nhiên	Nam	Kinh	12/10/2004	An Giang	P.307-C1		13h40'
17	000040	0022411695	Võ Ý	Nhiên	Nữ	Kinh	26/01/2004	Đồng Tháp	P.307-C1		13h50'
18	000041	0021411638	Lê Văn Hữu	Phát	Nam	Kinh	28/12/2003	Vĩnh Long	P.307-C1		13h50'
19	000042	0020411191	Nguyễn Trọng	Phúc	Nam	Kinh	04/7/2002	TP. Hồ Chí Minh	P.307-C1		14h00'
20	000043	0022410441	Trần Tiểu	Phụng	Nữ	Kinh	25/5/2004	Bến Tre	P.307-C1		14h00'
21	000044	0022410380	Bùi Thị Mỹ	Phương	Nữ	Kinh	25/7/2004	Cần Thơ	P.307-C1		14h10'
22	000045	0021413048	Đỗ Minh	Quân	Nam	Kinh	24/3/2003	Vĩnh Long	P.307-C1		14h10'
23	000046	0022412738	Đặng Tú	Quyên	Nữ	Kinh	09/7/2004	Đồng Tháp	P.307-C1		14h20'

Phòng
tập
trung
chờ
thi:
305-
C1

Tổng số thí sinh: 23



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
									Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
												Giờ thi	Địa điểm
1	000047	0021411726	Đặng Thế	Thắng	Nam	Kinh	27/4/2002	TP. Hồ Chí Minh	P.308-C1		12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 305-C1	
2	000048	0021411738	Đào Thị Phương	Thảo	Nữ	Kinh	07/9/2003	Đồng Tháp	P.308-C1		12h30'		
3	000049	0022411055	Nguyễn Huỳnh Anh	Thư	Nữ	Kinh	02/5/2004	Vĩnh Long	P.308-C1		12h40'		
4	000050	0022412491	Lê Tân	Tiến	Nam	Kinh	20/5/2004	Đồng Tháp	P.308-C1		12h40'		
5	000051	0022412160	Huỳnh Trung	Tín	Nam	Kinh	01/10/2004	Đồng Tháp	P.308-C1		12h50'		
6	000052	0022412313	Nguyễn Trung	Tín	Nam	Kinh	15/9/2004	Đồng Tháp	P.308-C1		12h50'		
7	000053	0022412751	Phan Thị Bích	Trâm	Nữ	Kinh	07/9/2004	Đồng Tháp	P.308-C1		13h00'		
8	000054	0022411914	Nguyễn Ngọc Hân	Trinh	Nữ	Kinh	06/12/2004	Đồng Tháp	P.308-C1		13h00'		
9	000055	0021411880	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	Nữ	Kinh	21/7/2003	Vĩnh Long	P.308-C1		13h10'		
10	000056	0022411069	Trần Thị Thanh	Trúc	Nữ	Kinh	05/4/2004	Vĩnh Long	P.308-C1		13h10'		
11	000057	0021410979	Nguyễn Đức	Trung	Nam	Kinh	17/3/2003	Đồng Tháp	P.308-C1		13h20'		
12	000058	0022412509	Phan Thượng	Tuấn	Nam	Kinh	16/02/2004	Đồng Tháp	P.308-C1		13h20'		
13	000059	0022410339	Nguyễn Trương Ngọc	Tuyền	Nữ	Kinh	12/6/2003	Đồng Tháp	P.308-C1		13h30'		
14	000060	0021411942	Lê Huỳnh Quốc	Vinh	Nam	Kinh	26/8/2003	Đồng Tháp	P.308-C1		13h30'		
15	000061	0022412166	Lý Thị Tường	Vy	Nữ	Kinh	22/7/2004	Đồng Tháp	P.308-C1		13h40'		
16	000062	0022410730	Nguyễn Thị Thảo	Vy	Nữ	Kinh	02/11/2004	Đồng Tháp	P.308-C1		13h40'		
17	000063	0022412652	Phạm Huỳnh Hùng	Vỹ	Nam	Kinh	21/8/2004	Cà Mau	P.308-C1		13h50'		
18	000064	0015410960	Tạ Thanh	Huy	Nam	Kinh	28/12/1996	Kiên Giang	BL	P.308-C1	BL		BL
19	000065	0022412530	Nguyễn Quốc	Đạt	Nam	Kinh	01/3/2004	Đồng Tháp	BL	P.308-C1	BL		13h50'
20	000066	0022410945	Nguyễn Thanh	Quý	Nam	Kinh	18/01/2004	Đồng Tháp	BL	P.308-C1	BL		14h00'
21	000067	0022411020	Huỳnh	Như	Nữ	Kinh	03/10/2003	Tiền Giang	BL	P.308-C1	BL		14h00'
22	000068	0022411279	Trịnh Ngọc	Duy	Nữ	Kinh	01/12/2003	Cà Mau	BL	P.308-C1	P.308-C1		BL
23	000069	0022412577	Võ Duy	Khang	Nam	Kinh	11/11/2004	Bạc Liêu	BL	P.308-C1	BL		14h10'
24	000070	0022410547	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	Nữ	Kinh	29/02/2004	Đồng Tháp	P.308-C1	P.308-C1	BL		BL
25	000071	0017410202	Tổng Thị Bội	Ngân	Nữ	Kinh	13/10/1999	Tiền Giang	BL	P.308-C1	BL		14h10'

Tổng số thí sinh: 25